



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Toán rời rạc - MH1101001

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110100101

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung Sơn - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010019	Trần Trọng An	12/04/2002		5.0	nam	C22TH1	
2	2010010027	Dur Hoài Bảo	24/09/2002	<i>Dur</i>	8.5	nam, nam	C22TH1	
3	2010010031	Văn Tiến Dũng	20/05/2002		8.0	nam	C22TH1	
4	2010010020	Huỳnh Văn Đạt	14/01/2002		6.5	nam, nam	C22TH1	
5	2010010002	Nguyễn Thị Hồng Điệp	15/02/2001		8.0	nam	C22TH1	
6	2010010030	Lê Chí Đức	08/01/2002		6.0	nam	C22TH1	
7	2010010015	Phan Nhật Hào	23/04/2002	<i>Phan</i>	7.0	nam	C22TH1	
8	2010010011	Hoàng Thanh Hiền	14/01/2002		9.0	nam	C22TH1	
9	2010010006	Nguyễn Bạch Hóa	28/07/1999		7.0	nam	C22TH1	
10	2010010008	Dương Hoàng Huy	12/11/2002		5.0	nam	C22TH1	
11	2010010035	Trần Gia Huy	05/04/2002	<i>Tran</i>	8.0	nam	C22TH1	
12	2010010026	Nguyễn Trọng Khang	11/02/2001	<i>Khang</i>	8.0	nam	C22TH1	
13	2010010004	Dương Hồng Khánh	18/12/1997		6.0	nam	C22TH1	
14	2010010023	Nguyễn Yên Khoa	01/08/2002	<i>Khoa</i>	7.0	nam	C22TH1	
15	1810010019	Huỳnh Đức Lâm	24/06/2000		5.0	nam	C20TH1	
16	2010010037	Nguyễn Lâm	19/11/2002	<i>Nguyen</i>	8.0	nam	C22TH1	
17	2010010018	Chu Tuấn Linh	02/09/2002	<i>Chu</i>	6.5	nam, nam	C22TH1	
18	2010010001	Nguyễn Duy Linh	22/02/2001	<i>Linh</i>	8.0	nam	C22TH1	
19	2010010007	Nguyễn Trần Trúc Ly	18/05/2002	<i>Ly</i>	8.0	nam	C22TH1	
20	2010010021	Nguyễn Văn Mai	07/05/2002	<i>Mai</i>	7.0	nam	C22TH1	
21	2010010016	Son Thanh Nguyễn	13/08/2002		7.0	nam	C22TH1	
22	2010010009	Lý Vy Phát	14/10/2001	<i>Phat</i>	7.0	nam	C22TH1	
23	2010010024	Cao Trịnh Quang	10/08/2002		6.5	nam, nam	C22TH1	
24	2010010014	Hồ Trần Quy	07/09/2002	<i>Hu</i>	7.0	nam	C22TH1	
25	2010010028	Nguyễn Thành Thông	01/05/2002	<i>Nguyen</i>	8.0	nam	C22TH1	
26	2010010010	Bùi Minh Thuận	04/11/2002	<i>Bui</i>	7.5	nam	C22TH1	
27	2010010013	Nguyễn Thanh Trí	29/11/2002	<i>Nguyen</i>	7.5	nam	C22TH1	
28	2010010025	Thái Minh Trí	23/03/2002	<i>Tri</i>	7.5	nam	C22TH1	
29	2010010022	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/06/2002	<i>Tuyen</i>	9.0	nam	C22TH1	
30	2010010033	Phạm Cổ Hoàng Vũ	30/11/2002	<i>Pham</i>	7.0	nam	C22TH1	
31	2010010017	Son Ngọc Như Ý	13/08/2002		6.5	nam, nam	C22TH1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 31 vắng thi: 0 Số bài thi: 1

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____%

Ngày: 02 tháng 8 năm 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

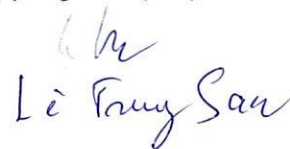


ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày: 20 tháng 5 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



ĐẠO



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Toán rời rạc - MH1101001

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110100101

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung Sơn - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010019	Trần Trọng An	12/04/2002		6.4	rao, bốn	C22TH1	
2	2010010027	Dư Hoài Bảo	24/09/2002	<i>Phu</i>	6.8	rao, tám	C22TH1	
3	2010010031	Văn Tiến Dũng	20/05/2002		9.3	chín, ba	C22TH1	
4	2010010020	Huỳnh Văn Đạt	14/01/2002		6.2	rao, hai	C22TH1	
5	2010010002	Nguyễn Thị Hồng Điệp	15/02/2001		6.1	rao, một	C22TH1	
6	2010010030	Lê Chí Đức	08/01/2002		6.0	rao, không	C22TH1	
7	2010010015	Phan Nhựt Hào	23/04/2002	<i>Phu</i>	6.5	rao, năm	C22TH1	
8	2010010011	Hoàng Thanh Hiền	14/01/2002		6.4	rao, bốn	C22TH1	
9	2010010006	Nguyễn Bạch Hóa	28/07/1999		5.0	năm	C22TH1	
10	2010010008	Dương Hoàng Huy	12/11/2002		5.0	năm	C22TH1	
11	2010010035	Trần Gia Huy	05/04/2002	<i>Phu</i>	5.2	năm, hai	C22TH1	
12	2010010026	Nguyễn Trọng Khang	11/02/2001	<i>Phu</i>	6.1	rao, một	C22TH1	
13	2010010004	Dương Hồng Khánh	18/12/1997		6.4	rao, bốn	C22TH1	
14	2010010023	Nguyễn Yên Khoa	01/08/2002	<i>Phu</i>	6.9	rao, chín	C22TH1	
15	1810010019	Huỳnh Đức Lâm	24/06/2000		5.0	năm	C20TH1	
16	2010010037	Nguyễn Lâm	19/11/2002	<i>Phu</i>	6.8	rao, tám	C22TH1	
17	2010010018	Chu Tuấn Linh	02/09/2002	<i>Phu</i>	5.7	năm, bảy	C22TH1	
18	2010010001	Nguyễn Duy Linh	22/02/2001	<i>Phu</i>	5.9	năm, chín	C22TH1	
19	2010010007	Nguyễn Trần Trúc Ly	18/05/2002	<i>Phu</i>	5.9	năm, chín	C22TH1	
20	2010010021	Nguyễn Văn Mai	07/05/2002	<i>Phu</i>	6.7	rao, bảy	C22TH1	
21	2010010016	Sơn Thanh Nguyễn	13/08/2002		6.1	rao, một	C22TH1	
22	2010010009	Lý Võ Phát	14/10/2001	<i>Phu</i>	6.5	rao, năm	C22TH1	
23	2010010024	Cao Trịnh Quang	10/08/2002		6.9	rao, chín	C22TH1	
24	2010010014	Hồ Trần Quy	07/09/2002	<i>Phu</i>	6.4	rao, bốn	C22TH1	
25	2010010028	Nguyễn Thành Thông	01/05/2002	<i>Phu</i>	8.1	tám, một	C22TH1	
26	2010010010	Bùi Minh Thuận	04/11/2002	<i>Phu</i>	6.8	rao, tám	C22TH1	
27	2010010013	Nguyễn Thanh Trí	29/11/2002	<i>Phu</i>	6.7	rao, bảy	C22TH1	
28	2010010025	Thái Minh Trí	23/03/2002	<i>Phu</i>	6.8	rao, tám	C22TH1	
29	2010010022	Nguyễn Thị Thanh Tuyên	03/06/2002	<i>Phu</i>	6.3	rao, ba	C22TH1	
30	2010010033	Phạm Cô Hoàng Vũ	30/11/2002	<i>Phu</i>	5.8	năm, tám	C22TH1	
31	2010010017	Sơn Ngọc Như Ý	13/08/2002		6.4	rao, bốn	C22TH1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 31 vắng thi: 0. Số bài thi: 1.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____/_____

Tỷ lệ đạt: _____, _____%

Ngày...02 tháng...8 năm...2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

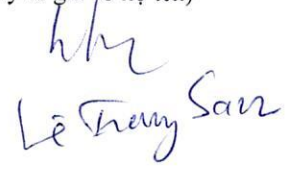


ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày...30 tháng...5 năm...2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



KHÁC

KHÁC

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Toán rời rạc - MH1101001

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110100101

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010050	Phan Quốc Bảo	20/07/2002	<i>Bảo</i>	7.5	<i>loại, năm</i>	C22TH2	
2	2010010041	Huỳnh Thiên Bá	02/09/2002	<i>Bá</i>	9.0	<i>chín</i>	C22TH2	
3	2010010060	Châu Văn Bình	03/09/2002	<i>Bình</i>	7.5	<i>loại, năm</i>	C22TH2	
4	2010010044	Nguyễn Thùy Dương	22/07/2002	<i>Dương</i>	6.0	<i>năm</i>	C22TH2	
5	2010010065	Nguyễn Ngọc Trúc Đào	21/07/2002		6.0	<i>năm</i>	C22TH2	
6	2010010061	Nguyễn Tấn Hà	22/06/2002		7.0	<i>loại</i>	C22TH2	
7	2010010055	Trần Huỳnh Minh Hoài	26/03/2002	<i>Hoài</i>	7.0	<i>loại</i>	C22TH2	
8	2010010032	Tạ Quốc Hùng	05/02/2002	<i>Hùng</i>	6.0	<i>năm</i>	C22TH2	
9	2010010057	Lê Quốc Khánh	20/03/2002	<i>Khánh</i>	6.0	<i>năm</i>	C22TH2	
10	2010010066	Trịnh Kiều Loan	14/03/2002	<i>Loan</i>	5.0	<i>năm</i>	C22TH2	
11	2010010064	Nguyễn Hữu Ngọc Long	16/03/2001	<i>Long</i>	6.0	<i>năm</i>	C22TH2	
12	2010010049	Dương Trung Nghĩa	20/11/2002	<i>Nghĩa</i>	6.0	<i>năm</i>	C22TH2	
13	2010010056	Nguyễn Phước Nghĩa	16/04/2002		5.0	<i>năm</i>	C22TH2	
14	2010010063	Trương Quốc Pháp	07/06/2002	<i>Pháp</i>	6.5	<i>năm, năm</i>	C22TH2	
15	2010010093	Đình Nhật Phi	22/04/2001		7.0	<i>loại</i>	C22TH2	
16	2010010051	Trương Văn Phương	3/1/1999	<i>Phương</i>	7.0	<i>loại</i>	C22TH2	
17	2010010039	Trần Minh Quốc	24/11/2002	<i>Quốc</i>	6.0	<i>năm</i>	C22TH2	
18	2010010067	Nguyễn Ngọc Sơn	25/02/2000				C22TH2	
19	2010010046	Nguyễn Tấn Tài	03/08/2002		7.0	<i>loại</i>	C22TH2	
20	2010010047	Lê Châu Tân	23/03/2002		6.5	<i>năm, năm</i>	C22TH2	
21	2010010054	Lưu Như Thái	27/12/2002		5.0	<i>năm</i>	C22TH2	
22	2010010062	Huỳnh Thị Vân Thắm	03/12/2002		7.0	<i>loại</i>	C22TH2	
23	2010010038	Ngô Minh Trung	16/04/2002	<i>Trung</i>	6.0	<i>năm</i>	C22TH2	
24	2010010070	Nguyễn Hoàng Nhựt Tuấn	15/04/2002		6.0	<i>năm</i>	C22TH2	
25	2010010052	Nguyễn Lê Thế Vinh	03/06/2002	<i>Vinh</i>	6.0	<i>năm</i>	C22TH2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 01, Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày: 02 tháng 9 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

THS. Phạm Quang Sáng

Ngày: 20 tháng 5 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Lê Trung San

KHẢO THỊ **BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ**

Học kỳ 3 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Toán rời rạc - MH1101001

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110100101

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung Sơn - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010050	Phan Quốc Bảo	20/07/2002		7.8	lưu ý, tâm	C22TH2	
2	2010010041	Huỳnh Thiên Bá	02/09/2002		8.0	đầu	C22TH2	
3	2010010060	Châu Văn Bình	03/09/2002		5.8	năm, đầu	C22TH2	
4	2010010044	Nguyễn Thùy Dương	22/07/2002		5.7	năm, đầu	C22TH2	
5	2010010065	Nguyễn Ngọc Trúc Đào	21/07/2002		5.7	năm, đầu	C22TH2	
6	2010010061	Nguyễn Tấn Hào	22/06/2002		5.1	năm, một	C22TH2	
7	2010010055	Trần Huỳnh Minh Hoài	26/03/2002		8.1	đầu, một	C22TH2	
8	2010010032	Tạ Quốc Hùng	05/02/2002		8.7	đầu, đầu	C22TH2	
9	2010010057	Lê Quốc Khánh	20/03/2002		5.9	năm, đầu	C22TH2	
10	2010010066	Trịnh Kiều Loan	14/03/2002		5.0	năm	C22TH2	
11	2010010064	Nguyễn Hữu Ngọc Long	16/03/2001		6.0	đầu	C22TH2	
12	2010010049	Dương Trung Nghĩa	20/11/2002		5.0	năm	C22TH2	
13	2010010056	Nguyễn Phước Nghĩa	16/04/2002		5.0	năm	C22TH2	
14	2010010063	Trương Quốc Pháp	07/06/2002		6.8	đầu, đầu	C22TH2	
15	2010010093	Đình Nhật Phi	22/04/2001		6.0	đầu	C22TH2	
16	2010010051	Trương Văn Phương	3/1/1999		6.0	đầu	C22TH2	
17	2010010039	Trần Minh Quốc	24/11/2002		6.1	đầu, một	C22TH2	
18	2010010067	Nguyễn Ngọc Sơn	25/02/2000				C22TH2	
19	2010010046	Nguyễn Tấn Tài	03/08/2002		8.9	đầu, đầu	C22TH2	
20	2010010047	Lê Châu Tân	23/03/2002		6.0	đầu	C22TH2	
21	2010010054	Lưu Như Thái	27/12/2002		6.1	đầu, một	C22TH2	
22	2010010062	Huỳnh Thị Vân Thắm	03/12/2002		5.5	năm, năm	C22TH2	
23	2010010038	Ngô Minh Trung	16/04/2002		5.8	năm, đầu	C22TH2	
24	2010010070	Nguyễn Hoàng Nhựt Tuấn	15/04/2002		5.0	năm	C22TH2	
25	2010010052	Nguyễn Lê Thế Vinh	03/06/2002		6.6	đầu, đầu	C22TH2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 01 . Số bài thi: 1 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / 1

Tỷ lệ đạt: 100 , 0 %

Ngày: 04 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày: 3 tháng 5 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung Sơn

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Toán rời rạc - MH1101001

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110100101

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung Sơn - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010068	Lưu Đình An	02/05/2001		5.0	không	C22TH3	
2	2010100030	Đặng Hoàng Dự	19/04/2002		7.0	đầy	C22TH3	
3	2010010069	Mai Thị Thu Hà	07/10/2002		6.5	đầy, không	C22TH3	
4	2010010086	Phạm Đình Hậu	02/12/2002		5.0	không	C22TH3	
5	2010010078	Lâm Trọng Hiếu	02/05/2002		7.5	đầy, không	C22TH3	
6	2010010088	Trần Gia Huy	11/08/2002				C22TH3	
7	2010010075	Nguyễn Hoàng Khang	30/04/2001		6.0	đầy	C22TH3	
8	2010010073	Nguyễn Thảo My	24/11/2001		8.0	đầy	C22TH3	
9	2010010090	Hoàng Đức Nghĩa	01/05/2002		6.5	đầy, không	C22TH3	
10	2010010077	Nguyễn Trương Hoài Phong	01/03/2001		6.5	đầy, không	C22TH3	
11	2010010087	Nguyễn Thanh Tâm	20/04/2002		8.0	đầy	C22TH3	
12	2010010083	Nguyễn Văn Tất	18/12/2002		6.0	đầy	C22TH3	
13	2010010084	Lê Phúc Thành	03/08/2002		6.0	đầy	C22TH3	
14	2010010079	Hà Anh Thư	13/11/2002		6.5	đầy, không	C22TH3	
15	2010010091	Nguyễn Hữu Trí	25/10/2002		6.5	đầy, không	C22TH3	
16	2010030025	Hồ Lê Anh Tuấn	29/09/2001		6.5	đầy, không	C22TH3	
17	2010120003	Phạm Thị Thúy Vi	21/11/2002		8.0	đầy	C22TH3	
18	2010100028	Nguyễn Tuấn Vũ	24/02/2002		9.0	đầy	C22TH3	
19	2010010081	Đình Ngọc Yến	12/09/2002		5.0	không	C22TH3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 18 vắng thi: 01 . Số bài thi: 1

Số sinh viên đạt/không đạt: / Tỷ lệ đạt: , %

Ngày: 02 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

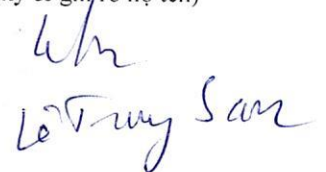


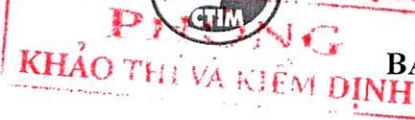
ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày: 30 tháng 5 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Toán rời rạc - MH1101001

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110100101

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung Sơn - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010068	Lưu Đình An	02/05/2001		5.0	ngắn	C22TH3	
2	2010100030	Đặng Hoàng Dự	19/04/2002		6.4	đẹp, đẹp	C22TH3	
3	2010010069	Mai Thị Thu Hà	07/10/2002		6.4	đẹp, đẹp	C22TH3	
4	2010010086	Phạm Đình Hậu	02/12/2002		5.0	ngắn	C22TH3	
5	2010010078	Lâm Trọng Hiếu	02/05/2002		9.7	chưa, đẹp	C22TH3	
6	2010010088	Trần Gia Huy	11/08/2002				C22TH3	
7	2010010075	Nguyễn Hoàng Khang	30/04/2001		7.2	đẹp, đẹp	C22TH3	
8	2010010073	Nguyễn Thảo My	24/11/2001		6.2	đẹp, đẹp	C22TH3	
9	2010010090	Hoàng Đức Nghĩa	01/05/2002		8.6	đẹp, đẹp	C22TH3	
10	2010010077	Nguyễn Trương Hoài Phong	01/03/2001		6.8	đẹp, đẹp	C22TH3	
11	2010010087	Nguyễn Thanh Tâm	20/04/2002		6.9	đẹp, đẹp	C22TH3	
12	2010010083	Nguyễn Văn Tất	18/12/2002		6.4	đẹp, đẹp	C22TH3	
13	2010010084	Lê Phúc Thành	03/08/2002		6.1	đẹp, đẹp	C22TH3	
14	2010010079	Hà Anh Thư	13/11/2002		6.7	đẹp, đẹp	C22TH3	
15	2010010091	Nguyễn Hữu Trí	25/10/2002		5.5	đẹp, đẹp	C22TH3	
16	2010030025	Hồ Lê Anh Tuấn	29/09/2001		6.5	đẹp, đẹp	C22TH3	
17	2010120003	Phạm Thị Thúy Vi	21/11/2002		4.8	đẹp, đẹp	C22TH3	
18	2010100028	Nguyễn Tuấn Vũ	24/02/2002		7.6	đẹp, đẹp	C22TH3	
19	2010010081	Đình Ngọc Yên	12/09/2002		6.8	đẹp, đẹp	C22TH3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 18 vắng thi: 07 . Số bài thi: 1

Số sinh viên đạt/không đạt: / Tỷ lệ đạt: , %

Ngày: 02 tháng 5 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày: 30 tháng 5 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)